SỞ Y TẾ BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 489 /XN-KSBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BM-05/QTQL07/XXHĐ-7.1

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00439.20

VILAS 722

Tên khách hàng : Chi Nhánh Cấp Nước Phước Vĩnh
Địa chỉ : 142 đường Độc Lập, khu phố 2, TT Phước Vĩnh, Phú Giáo, Bình Dương
Tên mẫu : **Tại bể chứa**
Lượng mẫu : 2.5 lít
Ngày nhận mẫu : 02/07/2020
Tình trạng mẫu : Mẫu nước được chứa trong can nhựa 2 lít và chai thủy tinh 0.5 lít. Bảo quản ở nhiệt độ lạnh.
Thời gian lưu mẫu: Lưu 0 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Escherichia coli giả định	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	02/07/2020
2	Vi khuẩn Coliform	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	02/07/2020
3	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996 (*)	<LOQ=0.5mg/L	2.0 (mg/L)	03/07/2020
4	Độ cứng	SMEWW 2340_C:2017 (*)	37.3	300 (mg/L)	07/07/2020
5	Độ đục	SMEWW 2130-B:2017 (*)	Không phát hiện (LOQ=2.0NTU)	2 NTU	03/07/2020
6	Hàm lượng Cl-	SMEWW 4500-CL-B:2017 (*)	9.5	250 (mg/L)	03/07/2020
7	Hàm lượng Clo dư	Test Hach	0.5	0.3-0.5 (mg/L)	02/07/2020
8	Hàm lượng Fe tổng cộng	SMEWW_3500_Fe_B:2017 (*)	<LOQ=0.06mg/L	0.3 (mg/L)	06/07/2020
9	Hàm lượng Mangan tổng	TCVN 6002:1995 (*)	Không phát hiện (LOD=0.03mg/L)	0.3 (mg/L)	07/07/2020
10	Hàm lượng Nitrate	TCVN 6180:1996 (*)	7.8	50 (mg/L)	08/07/2020
11	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 4500_NO2-_B:2017 (*)	Không phát hiện (LOD=0.003mg/L)	3.0 (mg/L)	06/07/2020
12	Màu sắc	SMEWW 2120-B-2017	0	15 TCU	03/07/2020
13	Mùi,vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không	03/07/2020
14	pH	TCVN 6492:2011	6.90	6.5-8.5	03/07/2020
15	Sunphate	SMEWW 4500-SO_4^{2-}-E:2017 (*)	4.8	250 (mg/L)	06/07/2020

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu xét nghiệm trên phù hợp theo tiêu chuẩn QCVN:01/2009/BYT của Bộ Trưởng Bộ Y tế ban hành theo thông tư số:04/2009/TT - BYT ngày 17/06/2009

Đ/C: Số 209 đường Yersin, P.Phú Cường, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
ĐT: (0274) 3824276 - Fax: (0274) 3821735

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.*
- *Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm..*

Bình Dương, ngày 14 tháng 7 năm 2020

TRƯỞNG KHOA XN - CĐHA - TDCN

Lê Thanh Trường

KT GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Tiến

Đ/C: Số 209 đường Yersin, P.Phú Cường, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
ĐT: (0274) 3824276 - Fax: (0274) 3821735

SỞ Y TẾ BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 440 /XN-KSBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BM-05/QTQL07/XXHĐ-7.1

VILAS 722

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00440.20

Tên khách hàng : Chi Nhánh Cấp Nước Phước Vĩnh - Lại Thị Mỹ Hạnh
Địa chỉ : 497 khu phố 9, TT Phước Vĩnh, Phú Giáo, Bình Dương
Tên mẫu : **Ngoài mạng lưới**
Lượng mẫu : 2.5 lít
Ngày nhận mẫu : 02/07/2020
Tình trạng mẫu : Mẫu nước được chứa trong can nhựa 2 lít và chai thủy tinh 0.5 lít. Bảo quản ở nhiệt độ lạnh.
Thời gian lưu mẫu: Lưu 0 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Escherichia coli giả định	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	02/07/2020
2	Vi khuẩn Coliform	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	02/07/2020
3	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996 (*)	<LOQ=0.5mg/L	2.0 (mg/L)	03/07/2020
4	Độ cứng	SMEWW 2340_C:2017 (*)	38.6	300 (mg/L)	07/07/2020
5	Độ đục	SMEWW 2130-B:2017 (*)	Không phát hiện (LOQ=2.0NTU)	2 NTU	03/07/2020
6	Hàm lượng Cl-	SMEWW 4500-CL-B:2017 (*)	6.65	250 (mg/L)	03/07/2020
7	Hàm lượng Clo dư	Test Hach	0.5	0.3-0.5 (mg/L)	02/07/2020
8	Hàm lượng Fe tổng cộng	SMEWW_3500_Fe_B:2017 (*)	0.08	0.3 (mg/L)	06/07/2020
9	Hàm lượng Mangan tổng	TCVN 6002:1995 (*)	Không phát hiện (LOD=0.03mg/L)	0.3 (mg/L)	07/07/2020
10	Hàm lượng Nitrate	TCVN 6180:1996 (*)	4.97	50 (mg/L)	08/07/2020
11	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 4500_NO2-_B:2017 (*)	Không phát hiện (LOD=0.003mg/L)	3.0 (mg/L)	06/07/2020
12	Màu sắc	SMEWW 2120-B-2017	0	15 TCU	03/07/2020
13	Mùi,vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không	03/07/2020
14	pH	TCVN 6492:2011	6.90	6.5-8.5	03/09/2020
15	Sunphate	SMEWW 4500-SO_4^{2-}-E:2017 (*)	1.41	250 (mg/L)	06/07/2020

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu xét nghiệm trên phù hợp theo tiêu chuẩn QCVN:01/2009/BYT của Bộ Trưởng Bộ Y tế ban hành theo thông tư số:04/2009/TT - BYT ngày 17/06/2009

Đ/C: Số 209 đường Yersin, P.Phú Cường, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
ĐT: (0274) 3824276 - Fax: (0274) 3821735

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.*
- *Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm..*

Bình Dương, ngày 14 tháng 7 năm 2020

TRƯỞNG KHOA XN - CĐHA - TDCN

Lê Thanh Trường

GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Tiến

Đ/C: Số 209 đường Yersin, P.Phú Cường, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
ĐT: (0274) 3824276 - Fax: (0274) 3821735